

GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TƯ THỰC: GÓC NHÌN TỪ THỰC TIỄN

TS. Nguyễn Quang Hậu

Trường Đại học Hòa Bình

Tác giả liên hệ: nguyenguanghauvt@gmail.com

Ngày nhận: 18/11/2022

Ngày nhận bản sửa: 22/12/2022

Ngày duyệt đăng: 23/3/2023

Tóm tắt

Từ khi Luật Giáo dục 2005 có hiệu lực, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, cho đến khi được thay thế bởi Luật Giáo dục năm 2019, các trường đại học tư thực phát triển mạnh cả về chất lượng và số lượng. Những thành tích của các trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ghi nhận và đánh giá cao. Bên cạnh những thành tích đã đạt được, các trường tư thực còn bộc lộ nhiều hạn chế và yếu kém. Việc đánh giá trung thực, khách quan những hạn chế, yếu kém và chỉ ra những giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế trong đào tạo tại các trường đại học tư thực là cần thiết.

Từ khóa: Giáo dục đại học, đại học tư thực.

Private Higher Education: A Viewpoint from Reality

Dr. Nguyen Quang Hau

Hoa Binh University

Corresponding author: nguyenguanghauvt@gmail.com

Abstract

Since the Law on Education came into effects in 2005, amended in 2009, and has recently been replaced by the Law on Education promulgated in 2019, private universities thrived in both quantity and quality. Their achievements have been recognized by the Ministry of Education and Training. Besides, their limitations and weaknesses are revealed. It's urgent to conduct fair and objective assessments of the limitations and weaknesses and recommendations of solutions to tackle the shortcomings in training activities at private universities.

Keywords: Higher education, private universities.

Ngày 14/6/2005, Quốc hội khóa XI thông qua Luật Giáo dục. Tại Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục năm 2005, loại hình trường đại học bán công và dân lập bị xoá bỏ trên văn bản, chỉ còn một loại hình trường đại học ngoài công lập duy nhất là trường đại học tư thực. Như vậy, loại hình trường đại học ngoài công

lập Việt Nam sau năm 1975 chính thức được xác lập vào năm 1994 và loại hình trường đại học tư thực vào năm 2005.

1. Kết quả đạt được**1.1. Về quy mô các trường**

Năm 1994, cả nước có 5 trường đại học tư thực; đến năm 2022, cả nước đã có 68 trường đại học tư thực, chiếm 29,6% trên tổng số các trường đại học cả nước.

Bảng 1. Số lượng các trường đại học tư thực qua các năm

| Năm | 1994 | 2000 | 2010 | 2020 | 2022 |
|-----------------------------|------|------|------|------|------|
| Số lượng các trường tư thực | 5 | 16 | 51 | 65 | 68 |

1.2. Về số lượng sinh viên, sinh viên tốt nghiệp, số lượng giảng viên qua các năm**Bảng 2.** Số lượng sinh viên, sinh viên tốt nghiệp, giảng viên qua các năm

| Năm học | 2015-2016 | 2016-2017 | 2017-2018 | 2019-2020 | 2021-2022 |
|-------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| Số lượng sinh viên | 227.574 | 243.975 | 267.530 | 313.479 | 381.516 |
| Số lượng sinh viên tốt nghiệp | 45.029 | 37.232 | 38.613 | 44.921 | 30.966 |
| Số lượng giảng viên | 14.190 | 15.158 | 15.759 | 16.142 | 27.248 |

Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Như vậy, qua các năm học từ 2015-2016 đến năm học 2021-2022, số lượng sinh viên, số lượng sinh viên tốt nghiệp, số lượng giảng viên đều tăng qua các năm.

1.3. Về đào tạo

Về cơ bản, chất lượng đào tạo ở các trường đại học tư thực tương đối đáp ứng yêu cầu, trên 80% sinh viên ra trường có việc làm trong vòng 1 năm và nhiều trường có số lượng sinh viên ra trường có việc làm lên đến 97%.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến kết quả này, trong đó, phải kể đến các điểm mạnh của các trường đại học tư thực như sự linh hoạt và nhạy bén trong phát triển, điều chỉnh chương trình đào tạo để phù hợp với xu thế và yêu cầu của thị trường lao động.

Hoạt động kết nối với doanh nghiệp được đẩy mạnh ở tất cả các trường; hoạt động liên kết, hợp tác quốc tế trong đào tạo bậc đại học và sau đại học đã được triển khai thành công ở một số trường đại học tư thực, tạo ra sự khác biệt so với các trường đại học công lập.

1.4. Về nghiên cứu khoa học

Hoạt động nghiên cứu khoa học trong các trường đại học tư thực được đánh giá ở mức khá. Tuy nhiên, một số trường đại học tư thực trở thành điểm sáng trong nghiên cứu khoa học của Việt Nam, trong đó, có Trường Đại học Duy Tân (công bố tổng cộng 840 công trình quốc tế trong tổng số 1.264 công trình nghiên cứu các loại trong năm học 2018-2019), xếp thứ 4 trong 10 cơ sở nghiên cứu hàng đầu của Việt Nam trên Bảng xếp hạng Nature Index 2019); Trường Đại học FPT đạt nhiều thành tích ấn tượng tại Danh hiệu Sao Khuê kể từ năm 2011; Trường Đại học Lạc Hồng đã gặt hái được nhiều thành tích xuất sắc tại cuộc thi Robocon khu vực Châu Á - Thái Bình Dương...

1.5. Về cơ sở vật chất

Theo đánh giá của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ sở vật chất của các trường đại học tư thực hiện nay được đánh giá là tốt; nhiều trường đã xây dựng được cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, trong đó, có một số trường được xây dựng và đầu

tư theo chuẩn quốc tế.

Đây được xem là điểm mạnh của các trường đại học tư thục cũng là ưu tiên của đa số các trường đại học tư thục nhằm thu hút người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên.

1.6. Về kiểm định chất lượng

Nhiều trường đại học tư thục đã được đánh giá ngoài, trong đó, có 31 trường đại học tư thục trong tổng số 68 cơ sở giáo dục đại học tư thục đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng; có 48 chương trình đào tạo của 08 trường đại học tư thục đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng quốc tế (theo dữ liệu cập nhật đến ngày 30/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Từ những số liệu căn bản trên đây, có thể khẳng định rằng, sau hơn 25 năm hình thành và phát triển, các trường đại học tư thục đã góp phần nâng cao năng lực của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam, đóng góp quan trọng vào tiến trình hội nhập với giáo dục đại học quốc tế; tạo ra sự lựa chọn khác ngoài giáo dục đại học công lập, qua đó, đáp ứng nhu cầu học tập của các tầng lớp nhân dân; cung cấp hàng trăm ngàn nhân lực có trình độ từ bậc đại học trở lên phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và bảo vệ Tổ quốc, qua đó, chia sẻ đáng kể gánh nặng tài chính cho Nhà nước.

2. Những hạn chế trong công tác đào tạo

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, giáo dục đại học Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế. Nhìn chung, giáo dục đại học vẫn tụt hậu so với các nước trong khu vực và thế giới; phát triển chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ và chưa đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân. Đại hội XIII của Đảng nhận định: “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội”. Vấn đề đặt ra hiện nay là những hạn chế, yếu kém phải được nhận thức sâu sắc, để từ đó, tìm ra các giải pháp khắc phục nhằm đưa giáo dục đại học Việt Nam lên một tầm cao mới.

2.1. Công tác tuyển sinh đại học, cao học

Hiện nay, các trường đại học tư thục tự chủ 100% về tài chính, cơ sở vật chất, tổ chức nhân sự... Chính vì quy định này đã tạo ra một áp lực rất lớn về tổ chức hoạt động của các trường tư thục, đặc biệt áp lực về tài chính. Muốn có đủ tài chính để duy trì mọi hoạt động của nhà trường thì nguồn duy nhất là thu học phí của sinh viên và học viên. Muốn có tài chính đủ để duy trì hoạt động thì phải có một số lượng sinh viên, học viên tương ứng để thu học phí. Từ sau năm 2005, Luật Giáo dục chính thức có hiệu lực thì hàng loạt các trường đại học công lập và tư thục được thành lập, tạo điều kiện cho các cháu học sinh có nhiều cơ hội lựa chọn vào các trường đại học. Lựa chọn đầu tiên là các trường công lập tốt trên, tiếp theo là tốt giữa, cuối cùng là các trường tốt dưới và các trường tư thục. Chính vì vậy, các trường đại học tư thục thường rất khó tuyển sinh, hằng năm, thường tuyển sinh không đủ chỉ tiêu. Để đảm bảo đủ chỉ tiêu, các trường tư thục thường hạ thấp yêu cầu về chất lượng, thiên về số lượng. Kết quả là số sinh viên, học viên trúng tuyển vào các trường tư thục thường có chất lượng thấp.

2.2. Công tác tổ chức đào tạo

Thứ nhất, hệ thống giáo trình, giáo án, tài liệu tham khảo của các trường đại học hiện nay chậm đổi mới, phần lớn giáo trình, bài giảng được viết từ thời bao cấp, dựa trên giáo trình, giáo án của các nước xã hội chủ nghĩa từ thế kỷ trước. Hệ thống giáo trình, giáo án, bài giảng được sử dụng từ nguồn các trường đại học tốt trên, sau khi được cải tiến, điều chỉnh một số nội dung cho phù hợp. Công tác biên soạn, điều chỉnh, bổ sung kiến thức mới phù hợp với từng thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước chưa đáp ứng kịp thời. Nội dung các môn học tràn lan, không tập trung, nặng về lý thuyết, coi nhẹ thực hành, thực tập.

Thứ hai, thời lượng truyền đạt kiến

thức. Hiện nay, các trường đại học, cao đẳng trên cả nước đều thực hiện đào tạo theo tín chỉ, bỏ đào tạo theo niên chế. Việc đào tạo theo tín chỉ đã tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên tận dụng thời gian đăng ký học thêm trong thời gian hè, những thời gian rảnh rỗi. Sinh viên rút ngắn thời gian học tại trường hoặc có thể kéo thời gian học do điều kiện công việc. Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì một tín chỉ học 15 tiết trên lớp, 30 tiết thảo luận, 60 tiết thực hành, thực tế, viết chuyên đề... Như vậy, đào tạo theo tín chỉ rất tốt, tạo điều kiện cho sinh viên được thảo luận, tin hiểu thực tế. Nhưng hiện nay, một số trường đại học, cao đẳng tư thục, kể cả một số trường công lập đã cắt bỏ bớt một số tiết thảo luận, thực hành, thực tế. Như vậy, các em sinh viên chỉ tiếp nhận được những nội dung về lý thuyết, không có đủ thời gian thảo luận, tìm hiểu thực tế.

Thứ ba, chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, thiếu sự gắn kết với thị trường lao động. Hiện nay, nhiều trường đại học mới chỉ cung cấp những gì mình có, chứ chưa phải những gì xã hội cần. Đó là một trong những lý do khiến năm 2020, Việt Nam có 225.000 cử nhân, kỹ sư, thạc sĩ tốt nghiệp ra trường nhưng chưa tìm được việc làm, hoặc chấp nhận làm không đúng nghề nghiệp được đào tạo, gây ra một sự lãng phí rất lớn. Theo kết quả khảo sát tại 60 doanh nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ công nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh về “Đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp về chất lượng của sinh viên được đào tạo trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp” (Bộ tiêu chí để đánh giá là kiến thức lý thuyết, kỹ năng thực hành, trình độ ngoại ngữ, tác phong làm việc và kỹ năng nghề nghiệp), chỉ có 5% tổng số sinh viên tham gia khảo sát được đánh giá ở mức độ tốt, 15% ở mức khá, 30% ở mức độ trung bình và 40% ở mức độ không đạt.

Thứ tư, kỹ năng làm việc độc lập. Do trong quá trình đào tạo tại trường, kỹ năng thảo luận nhóm, kỹ năng thực hành, thực tập thường không được chú ý nhiều. Khi ra trường, cựu sinh viên phải làm việc độc lập thường rất lúng túng, không có khả năng hoàn thành công việc được giao nếu không có những người đi trước kèm cặp. Trong quá trình học tập tại trường, phần lớn thời lượng dành cho học lý thuyết, các trường không chú ý đến thực hành, thực tập. Khi hoàn thành thời gian học lý thuyết tại trường, đến thời gian đi thực tập, thực tế của sinh viên và học viên, nhà trường chỉ cấp giấy giới thiệu đến cơ sở thực tập, không có giảng viên đi cùng. Kết quả là sinh viên phần lớn không đi thực tập, chỉ ngồi nhà sao chép lại các đồ án, luận văn của những sinh viên khoá trước, thay đổi thời gian, địa điểm... nộp cho giảng viên hướng dẫn. Chính vì cách làm này, dẫn đến sinh viên không có kỹ năng thực tế.

2.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập

Hiện nay, về cơ bản, các trường đại học tư thục đã chú ý đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tương đối đầy đủ, khang trang, sạch đẹp như hệ thống giảng đường, sân chơi, bãi tập... Tuy nhiên, còn nhiều hạn chế trong công tác đầu tư cơ sở vật chất, ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng đào tạo. Hầu hết các trường đại học tư thục, thậm chí cả các trường công lập đều thiếu trang thiết bị phục vụ dạy và học. Để có kinh phí mua được những thiết bị mới, hiện đại đáp ứng việc giảng dạy trước mắt cũng như lâu dài, nó đòi hỏi một lượng kinh phí rất lớn, những trường đại học không có khả năng về tài chính rất khó có thể mua được. Chính vì vậy, việc có được trang thiết bị bảo đảm cho việc dạy và học trước mắt và lâu dài là không thể. Hiện nay, việc dạy chay, học chay vẫn diễn ra phổ biến ở các trường đại học. Việc dạy và học vẫn coi nặng về dạy lý thuyết, coi nhẹ dạy thực hành.

Các thư viện ở các trường đại học tư

thực thường rất nhỏ bé, diện tích chỉ vài chục mét vuông đến vài trăm mét vuông. Số lượng tài liệu trong thư viện rất hạn chế, chủ yếu là tài liệu phục vụ việc dạy và học cho sinh viên. Các loại tài liệu tham khảo khác, tài liệu nước ngoài hầu như không có. Các phòng hội thảo, phòng seminar cũng không có. Tại một trường đại học tư thục của Đài Loan (Trường đại học Shu-te) có một thư viện với tổng diện tích sàn là 8.000m² với 40 triệu bản sách. Các tài liệu của họ đều được in song ngữ (01 tiếng Trung và 01 tiếng Anh) và có băng hình kèm theo.

2.4. *Đội ngũ giảng viên*

Đội ngũ giảng viên các trường tư thục thường tuyển dụng ở hai nguồn sau: nguồn thứ nhất là tận dụng những nhà giáo ở các trường công lập đã nghỉ hưu. Đội ngũ giảng viên này thường có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy, nhưng thường sức khỏe yếu, sức ý lớn, không năng động sáng tạo, không bắt kịp những kiến thức mới, những thay đổi hàng ngày. Nguồn thứ hai là tuyển dụng những sinh viên mới ra trường về cho đào tạo nâng cao chuyên môn. Đội ngũ này năng động sáng tạo nhưng thiếu kinh nghiệm và không ổn định lâu dài.

3. Giải pháp thúc đẩy tiến trình đổi mới giáo dục đại học tư thục ở Việt Nam

3.1. *Đổi mới công tác tuyển sinh*

- Đối với tuyển sinh đại học

Hiện nay, các trường đại học tư thục thường có hai hình thức tuyển sinh, đó là xét học bạ các năm học trung học phổ thông và xét kết quả thi thốt nghiệp phổ thông. Hai hình thức này có ưu điểm nhanh, dễ thực hiện. Do việc xét thường lấy kết quả học tập và kết quả thi tốt nghiệp là 5,0/ môn hoặc 5,0 điểm thi tốt nghiệp/môn. Những ngành khó thi lấy kết quả cao hơn. Cách xét tuyển này thường không đánh giá đúng năng lực học tập của học sinh, dẫn đến khi bước chân vào đại học các em không tiếp thu được kiến thức. Để có đội ngũ sinh viên đủ khả năng tiếp

thu kiến thức trên lớp, đủ khả năng đọc và nghiên cứu những kiến thức trang bị trên lớp và trong tài liệu tham khảo các trường tư thục cần: Ngoài nội dung xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cần tổ chức test theo chỉ số IQ hoặc test chuyên môn sau khi xét tuyển. Những trường hợp không có kiến thức thực sự hoặc không có khả năng theo học thì loại ngay từ đầu, tránh ảnh hưởng đến học sinh khác và ảnh hưởng đến kết quả sau này.

- Đối với tuyển sinh cao học

Hiện nay, trường tư thục thường tự tổ chức thi tuyển sinh cao học. Do áp lực có học viên để đào tạo, dẫn đến nhiều trường đã tự cắt xén một số nội dung như: Giảm thời gian học chuyên đổi, giảm thời gian ôn luyện, tổ chức thi tuyển sinh đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhưng chưa nghiêm. Chính vì vậy, chất lượng đầu vào học viên cao học chưa cao. Để đảm bảo yêu cầu về chất lượng học viên cao học các trường tư thục, kể cả các trường công lập cần thực hiện đúng quy định về thời gian học chuyên đổi, thời gian ôn luyện, thời gian học trên lớp, tổ chức thi, kiểm tra nghiêm túc, đúng quy chế.

3.2. *Đổi mới phương pháp dạy, học, thi kiểm tra*

- Về công tác dạy và học

Hiện nay, hầu hết các trường thực hiện đào tạo theo tín chỉ, yêu cầu nhà trường cần xếp lịch theo đúng thời gian đã quy định cho một tín chỉ như: đủ 15 tiết học lý thuyết, 30 tiết thảo luận, 60 tiết thực hành, tìm hiểu thực tế. Các tiết thảo luận yêu cầu giáo viên phải chuẩn bị nội dung thảo luận, các vấn đề liên quan đến nội dung giảng, các vấn đề cần giải đáp... Giao nhiệm vụ cho sinh viên đi tìm hiểu thực tế, kết thúc học phần viết tiểu luận và được đánh giá công bằng, khách quan. Cần loại bỏ ngay phương pháp dạy học cổ điển như thầy đọc cho trò chép, chỉ giải thích những chỗ sinh viên khó hiểu. Đây

là phương pháp giảng dạy làm cho sinh viên tiếp thu kiến thức một cách thụ động, không có tính sáng tạo.

- Về công tác thi và kiểm tra

Cần loại bỏ bệnh thành tích, việc thi, kiểm tra cần trung thực, công bằng khách quan. Không vì số lượng sinh viên, không vì học phí mà coi nhẹ công tác thi, kiểm tra. Những học viên, sinh viên có kết quả thấp cần học lại, thi lại, khi nào đạt kết quả cho học tiếp. Nếu trong quá trình học nhiều môn không đạt, cho học lại hoặc từ chối đào tạo.

Cần xoá bỏ ngay những tiêu cực trong học tập, thi kiểm tra, công nhận tốt nghiệp ở các trường đại học. Những sinh viên không tham gia học đầy đủ số tín chỉ theo quy định, bắt buộc phải học lại. Những sinh viên có hành vi mua điểm, chạy điểm cần được xử lý nghiêm khắc. Giảng viên cần gương mẫu thực hiện đúng quy chế, thi, kiểm tra, xét kết quả lên lớp, kết quả tốt nghiệp. Nhà trường cần có quy chế đủ mạnh để xử lý giảng viên vi phạm.

3.3. *Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo*

Mặc dù Luật Giáo dục Việt Nam đã quy định trường đại học có quyền tự chủ trong 5 lĩnh vực: (1) Xây dựng chương trình, giáo trình, kế hoạch giảng dạy; (2) Tổ chức tuyển sinh đào tạo, công nhận tốt nghiệp; (3) Tổ chức bộ máy phục vụ cho quá trình giảng dạy; (4) Hoạt động, quản lý, sử dụng mọi nguồn lực; (5) Hợp tác trong và ngoài nước..., nhưng mức độ tự chủ thì chưa được quy định cụ thể. Để tăng cường hơn nữa quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các trường đại học, các cơ quan Nhà nước, trực tiếp là Bộ Giáo dục và Đào tạo, cần đổi mới phương thức quản lý theo hướng chỉ đóng vai trò là cơ quan “tài phán”, định hướng hoạt động của các trường theo đúng luật, tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục đại học hoạt động độc lập, tự chủ. Tăng cường quyền tự chủ, đồng thời, đề cao tính tự chịu trách nhiệm để giảm nguy cơ tùy tiện, giám sát

chất lượng, chạy theo lợi ích trước mắt.

Hiện nay, do Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa có hướng dẫn cụ thể nên các trường vẫn thực hiện nội dung, chương trình do Bộ quy định. Các trường không tự ý cắt xén nội dung hoặc thêm bớt nội dung. Chính vì vậy, trong chương trình đào tạo đại học hiện nay, nhiều nội dung không liên quan đến chuyên ngành đào tạo nhưng sinh viên vẫn phải học. Nội dung chuyên ngành bố trí thời lượng ít, không có thời gian thực hành, thực tập. Kết quả sau bốn, năm năm đào tạo, sinh viên học rất nhiều môn, không đi sâu một môn nào (mỗi môn học từ 3 đến 5 tín chỉ). Khi tốt nghiệp ra trường, sinh viên có một mớ kiến thức hỗn độn, lý thuyết không sâu, thực hành không giỏi.

Bộ Giáo dục và Đào tạo giao cho các trường tự chủ về chương trình, thời gian đào tạo; tăng cường thời gian giảng dạy các môn chuyên môn, mạnh dạn cắt bỏ những môn không cần thiết, không liên quan đến nội dung chuyên ngành; tăng thời gian thực hành, thực tập tại các cơ sở, doanh nghiệp để sinh viên có điều kiện tiếp xúc với thực tế.

3.4. *Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học*

Các nhà trường cần có đủ diện tích tối thiểu để ngoài việc xây phòng học nhà điều hành, chỗ làm việc cho các khoa, phòng, ban..., cần có diện tích xây nhà xưởng, phòng thí nghiệm, thư viện, phòng hội thảo, sân chơi, bãi tập đủ lớn đáp ứng nhu cầu tối thiểu cho sinh viên.

Các trường cần dành một lượng kinh phí để đủ khả năng mua sắm những đồ dùng, dụng cụ tối thiểu phục vụ cho việc dạy và học cho sinh viên. Các trang thiết bị phải đảm bảo tính hiệu quả trong đào tạo, đáp ứng trước mắt cũng như lâu dài cho nhà trường. Những trang thiết bị sử dụng quá lâu, không đáp ứng nhu cầu giảng dạy hoặc quá lạc hậu so với yêu cầu hiện tại cần thay thế. Nhà trường cần luôn đi trước việc mua sắm trang thiết bị

tiên tiến, hiện đại để sinh viên và học viên có điều kiện tiếp xúc, sử dụng, vận hành đến khi ra trường không bị ngỡ ngàng.

3.5. Nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ cho giảng viên

Cần nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, cán bộ làm công tác quản lý giáo dục tại các trường đại học tư thục, vì chất lượng của hệ thống giáo dục đại học luôn gắn chặt với chất lượng của đội ngũ giảng viên. Để xây dựng, phát triển đội ngũ này, cần quy hoạch và có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp, có chính sách thu hút các sinh viên giỏi ở lại trường làm công tác giảng dạy. Đồng thời, tạo điều kiện để các nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài và các chuyên gia quốc tế tham gia vào việc giảng dạy, nghiên cứu của các trường đại học trong nước. Bên cạnh đó, cần có những người làm công tác quản lý giáo dục đủ tâm, đủ tầm, đủ tài để sử dụng đúng người, giải quyết tốt các vấn đề nảy sinh trong giáo dục đại học theo tinh thần dân chủ. Cải thiện chế độ, chính sách đãi ngộ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, vì đến nay, nghề giáo vẫn là nghề có thu

nhập thấp trong xã hội. Tăng cường hơn nữa công tác thông tin, truyền thông để xã hội thấu hiểu, chia sẻ với những khó khăn, vất vả của đội ngũ nhà giáo và giữ gìn truyền thống “tôn sư, trọng đạo” của văn hóa Việt Nam.

Hàng năm, nhà trường cần có kế hoạch đào tạo đội ngũ giảng viên, gồm kế hoạch trước mắt và kế hoạch lâu dài để giảng viên sâu về chuyên môn, vững về nghiệp vụ. Thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng những kiến thức mới, những văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến nội dung đào tạo, đến chế độ chính sách của Nhà nước.

Có kế hoạch gửi giảng viên đi đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ở những trường đại học danh tiếng trên thế giới, những giảng viên này cần cam kết làm việc lâu dài cho nhà trường.

Yêu cầu tất cả các giảng viên của nhà trường sau hai năm công tác phải tự học một ngoại ngữ, đủ khả năng nghe, nói, đọc, viết, giao tiếp với người nước ngoài.

Tài liệu tham khảo

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu các trường đại học ngoài công lập*, TP. Hồ Chí Minh.

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Tài liệu Hội nghị Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục đại học và trường sư phạm năm 2018*, Hà Nội.

<https://giaoduc.net.vn/giao-duc-24h/giai-phap-phat-trien-he-thong-cac-truong-dai-hoc-tu-thuc-viet-nam-post189878.gd>

<http://www.moet.gov.vn/thong-ke/Pages/thong-ke.aspx>

<https://thanhnien.vn/giao-duc/dai-hoc-duy-tan-840-cong-bo-quoc-te-trong-nam-hoc-2018-2019-1100491.html>

<https://tuoitre.vn/cac-dai-hoc-viet-nam-tren-bang-xep-hang-nature-index-2019-2019100114244387.htm>

<https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/khao-thi-va-kiem-dinh-chat-luong-giao-duc/Pages/Default.aspx?ItemID=6233>